



BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 2/2025

I. VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

1. Nghị định số 20/2025/NĐ-CP (NĐ 20) ngày 10/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP (NĐ 132) ngày 05/11/2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết

Các nội dung sửa đổi của NĐ 20 được tóm tắt như dưới đây:

1. Nghị định bổ sung trường hợp loại trừ doanh nghiệp bảo lãnh, cho doanh nghiệp khác vay theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 5 NĐ 132. Theo đó, bên cho vay, bên bảo lãnh và tổ chức tín dụng không được coi là bên liên kết nếu không tham gia vào hoạt động “điều hành, kiểm soát, góp vốn, đầu tư” tại doanh nghiệp đi vay hoặc doanh nghiệp được bảo lãnh.
2. Nghị định làm rõ về trách nhiệm kê khai, nộp thuế đối với chi nhánh hạch toán độc lập có quan hệ liên kết.
3. Nghị định bổ sung các trường hợp về quan hệ liên kết để đồng bộ với những thay đổi trong Luật các tổ chức tín dụng: Tổ chức tín dụng với Công ty con hoặc với Công ty kiểm soát hoặc với Công ty liên kết của tổ chức tín dụng theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).
4. Ngoài ra, Nghị định làm rõ quy định về việc chuyển chi phí lãi vay không được khấu trừ của các kỳ tính thuế trước khi doanh nghiệp chỉ có quan hệ liên kết thông qua việc vay vốn tại tổ chức tín dụng theo điểm d khoản 2 Điều 5 NĐ 132.
 - Trường hợp doanh nghiệp không có quan hệ liên kết và không phát sinh giao dịch liên kết theo quy định tại NĐ 132 và NĐ 20 thì phần chi phí lãi vay không được trừ và chưa được chuyển sang các kỳ tính thuế tiếp theo tính đến cuối kỳ tính thuế năm 2023 được phân bổ đều chuyển sang các kỳ tính thuế tiếp theo liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ.
 - Trường hợp doanh nghiệp có quan hệ liên kết và giao dịch liên kết trong kỳ tính thuế năm 2024 thì chi phí lãi vay không được khấu trừ của các kỳ tính thuế trước không được chuyển sang 05 năm tiếp theo.
5. Nghị định cũng mở rộng trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc cung cấp thông tin về cá nhân và doanh nghiệp có liên quan của tổ chức tín dụng khi có yêu cầu của Cơ quan Thuế.
6. Đồng thời, Nghị định sửa đổi Phụ lục I – Thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết để phù hợp với quy định sửa đổi, bổ sung nêu trên.



2. Thông tư số 06/2025/TT-BTC (TT06) của Bộ Tài chính ngày 24/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí

Theo đó, TT06 sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí. Nội dung thay sửa đổi, bổ sung liên quan đến tổ chức thu phí, lệ phí. Cụ thể như dưới đây:

- TT06 sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 33/2018/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.
 - Quy định cũ: Tổ chức thu phí, lệ phí quy định tại Thông tư này là Tổng cục Du lịch, Sở Văn hóa thể thao du lịch; Sở Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
 - Quy định sửa đổi, bổ sung: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, thẻ hướng dẫn viên du lịch, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài theo quy định của pháp luật là tổ chức thu phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư này
- TT06 cũng sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 112/2021/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực quản lý nuôi trồng thủy sản.
 - Quy định cũ: Tổ chức thu phí là Tổng cục Thủy sản; Trung tâm Khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định nuôi trồng thủy sản; Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
 - Quy định sửa đổi, bổ sung: Tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập có thẩm quyền thực hiện thẩm định cấp giấy chứng nhận vật tư thủy sản, thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản, thẩm định công nhận hoặc chỉ định, giám sát phòng kiểm nghiệm, phòng thử nghiệm trong lĩnh vực thủy sản theo quy định của pháp luật.
- TT06 sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 Thông tư số 37/2023/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.
 - Quy định cũ: Tổ chức thu phí, lệ phí gồm Cục Đường bộ Việt Nam và cơ quan quản lý đường bộ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
 - Quy định sửa đổi, bổ sung: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện cấp chứng nhận đăng ký, biển xe máy chuyên dùng, cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và sát hạch để được cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ theo quy định của pháp luật là tổ chức thu phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư này.

Thông tư số 06/2025/TT-BTC có hiệu lực thi hành từ ngày 10/03/2025.



II. CÔNG VĂN MỚI ĐÁNG LƯU Ý

1. Công văn số 147/TCT-CS ngày 10/01/2025 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế GTGT

Cơ sở kinh doanh đã đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ (bao gồm cả cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư) có **dự án đầu tư mới** (bao gồm cả dự án đầu tư được chia thành nhiều giai đoạn đầu tư hoặc nhiều hạng mục đầu tư) theo quy định của Luật Đầu tư, **đang trong giai đoạn đầu tư**, có số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong giai đoạn đầu tư **lũy kế chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên** thì thuộc đối tượng xem xét hoàn thuế GTGT. Hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 28 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2023/TT-BTC).

Trường hợp cơ sở kinh doanh không thuộc đối tượng và trường hợp hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư, nhưng có **hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu**, nếu có số thuế GTGT đầu vào của hoạt động đầu tư, xây dựng, tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu thì cơ sở kinh doanh được tổng hợp số thuế GTGT đầu vào của hoạt động đầu tư, xây dựng, tài sản cố định để xác định số thuế GTGT được hoàn đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu theo quy định tại Nghị định 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài chính.

2. Công văn số 150/TCT-CS ngày 10/01/2025 của Tổng cục Thuế về thu tiền sử dụng đất khi thực hiện chuyển nhượng căn hộ chung cư là nhà ở xã hội

Đối với trường hợp bên mua nhà ở xã hội được bán lại nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà thực hiện chuyển nhượng **sau ngày 01/8/2024** (ngày Luật Nhà ở có hiệu lực thi hành) thì không phải nộp tiền sử dụng đất và phải nộp thuế thu nhập;

Trường hợp bán nhà ở xã hội là **nhà ở riêng lẻ** thì bên bán phải nộp 50% tiền sử dụng đất và phải nộp thuế thu nhập;

Đối với trường hợp bán nhà ở xã hội phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về nhà ở **trước ngày Luật Nhà ở có hiệu lực thi hành (ngày 01/8/2024)** mà vẫn chưa nộp tiền sử dụng đất thì tiếp tục nộp tiền theo quy định của pháp luật về nhà ở trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

3. Công văn số 151/TCT-CS ngày 10/01/2025 của Tổng cục Thuế về thuế GTGT

Trường hợp doanh nghiệp có hoạt động **xuất khẩu hàng hóa** ra nước ngoài cho **bên có giao dịch liên kết**, nếu doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện khấu trừ, hoàn thuế đầu vào của hàng hóa xuất khẩu theo quy định của pháp luật thuế GTGT và đáp ứng điều kiện về hồ sơ thủ tục theo quy định của pháp luật quản lý thuế thì Cục thuế **xử lý hoàn thuế GTGT** theo quy định và thẩm quyền.



4. Công văn số 194/TCT-DNNCN ngày 14/01/2025 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế TNCN

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 16 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013; Mục 18 và 29 Chuẩn mực số 01 Chuẩn mực chung kế toán ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Khoản 27 và 34 Điều 4 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, **thu nhập để tính thuế TNCN đối với thu nhập từ thừa kế phần vốn góp trong Công ty TNHH (hai thành viên trở lên)** được xác định căn cứ vào giá trị sổ sách kế toán trên Bảng cân đối kế toán (BCĐKT) của công ty tại thời điểm lập **BCĐKT gần nhất** theo quy định của pháp luật về kế toán **trước thời điểm đăng ký quyền sở hữu phần vốn**. Giá trị sổ sách kế toán trên BCĐKT của Công ty được xác định trên chênh lệch giữa tổng tài sản trừ đi nợ phải trả, bằng cách lấy các mã số phản ánh tài sản trên BCĐKT trừ đi mã số phản ánh nợ phải trả trên BCĐKT (Mã số 100 + Mã số 200 - Mã số 300).

5. Công văn số 237/TCT-QLN ngày 16/01/2025 của Tổng cục Thuế về gia hạn nộp thuế

Trường hợp Công ty A ký hợp đồng **chuyển nhượng một phần dự án** cho Công ty B để tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đầu tư xây dựng nhà ở là kinh doanh bất động sản, **không phải chuyển nhượng dự án đầu tư** để sản xuất, kinh doanh như hướng dẫn tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính. Do đó, doanh nghiệp thực hiện kê khai, tính nộp thuế GTGT với thuế suất thuế GTGT 10% theo quy định.

6. Công văn số 368/TCT-CS ngày 22/01/2025 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế

6.1. Về thuế GTGT

Đề nghị Cục Thuế căn cứ các quy định, hướng dẫn và hồ sơ thực tế để xác định trường hợp Công ty **cho doanh nghiệp nước ngoài thuê tàu thực hiện vận tải đường biển ngoài lãnh thổ Việt Nam** nếu thuộc **dịch vụ xuất khẩu** theo quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II Quyết định số 01/2021/QĐ-TTg ngày 05/1/2021 của Thủ tướng Chính phủ và đáp ứng điều kiện tại điểm b khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính thì thuộc **đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%**.

6.2. Về khấu hao tài sản cố định

Căn cứ Điều 7 Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020) của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển quy định về giới hạn tuổi tàu biển được đăng ký tại Việt Nam;

Việc khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và chỉ áp dụng cho tài sản cố định của doanh nghiệp.



7. Công văn số 427/TCT-DNNCN ngày 24/01/2025 của Tổng cục Thuế trả lời vướng mắc về chính sách thuế TNCN và LPTB

Trường hợp chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho bất động sản giữa cha mẹ chồng với con dâu; giữa cha mẹ vợ với con rể sau thời điểm người con nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho bất động sản hoặc người con chuyển nhượng, tặng cho bất động sản có vợ hoặc chồng chết thuộc trường hợp được miễn Lệ phí trước bạ, Thuế TNCN nếu người nộp thuế có giấy tờ của cơ quan cấp có thẩm quyền theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 7 Thông tư 43/2023/TT-BTC ngày 27/6/2023 của Bộ Tài chính xác định mối quan hệ giữa người chuyển nhượng và người nhận chuyển nhượng, thừa kế, quà tặng bất động sản là quan hệ cha, mẹ chồng với con dâu hoặc cha mẹ vợ với con rể sau thời điểm người con nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho bất động sản hoặc người con chuyển nhượng, tặng cho bất động sản có vợ hoặc chồng chết.

8. Công văn số 415/TCT-CS ngày 23/01/2025 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế GTGT

Trường hợp Công ty tạm nhập khẩu lại một phần lô hàng đã xuất để sửa chữa (mã loại hình tờ khai hải quan nhập khẩu G13), sau đó đã tái xuất khẩu trả lại cho khách hàng nước ngoài là người mua ban đầu (mã loại hình tờ khai hải quan xuất khẩu G23) thì chưa phải thực hiện điều chỉnh doanh thu của kỳ đã xuất khẩu ban đầu. Trường hợp Công ty đã được hoàn thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu nhưng bị người bán trả lại một phần hàng hóa đã xuất khẩu thì Công ty phải thực hiện khai bổ sung theo quy định tại Điều 47 Luật Quản lý thuế và Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP; đồng thời nộp số tiền đã được hoàn tương ứng với hàng xuất khẩu đã nhập khẩu lại và nộp tiền chậm nộp tương ứng theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

9. Công văn số 484/TCT-CS ngày 05/02/2025 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế

Hoạt động phân lô đất nền để bán cho thân nhân dùng làm huyết mộ là hoạt động chuyển quyền sử dụng đất. Hoạt động chuyển quyền sử dụng đất hạch toán riêng để kê khai nộp thuế TNDN, thu nhập từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất không được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định.

10. Công văn số 489/TCT-CS ngày 05/02/2025 của Tổng cục Thuế về chính sách tiền sử dụng đất

- Trường hợp tổ chức kinh tế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển từ đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất sang đất ở được nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thì nộp tiền sử dụng đất bằng mức chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất của loại đất sau khi chuyển mục đích được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/06/2014 của Bộ Tài chính của thời hạn sử dụng đất được xác định theo quy định trừ (-) đi số tiền sử dụng đất tính theo giá đất của loại đất trước khi chuyển mục đích của thời hạn sử dụng đất còn lại tại thời điểm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

- Trường hợp tổ chức kinh tế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển từ đất phi nông nghiệp được giao không thu tiền sử dụng đất sang đất ở thì thu 100% tiền sử dụng đất theo giá của loại đất sau khi chuyển mục đích. Trong đó, diện tích tính thu tiền sử dụng đất là diện tích được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng.

11. Công văn số 488/TCT-CS ngày 05/02/2025 của Tổng cục Thuế về xác định nghĩa vụ tài chính theo Nghị định số 103/2024/NĐ-CP (NĐ 103)

11.1. Trường hợp mục đích sử dụng đất thực tế chưa phù hợp với mục đích ghi tại Quyết định hoặc Hợp đồng thuê đất

Tại khoản 2 Điều 155 Luật Đất đai năm 2024 quy định căn cứ tính tiền thuê đất gồm: (1) Diện tích đất cho thuê; (2) Thời hạn cho thuê đất, thời hạn gia hạn sử dụng đất; (3) Đơn giá thuê đất; (4) Hình thức Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; (5) Chính sách miễn, giảm tiền thuê đất của Nhà nước. Vì vậy, tại Điều 23 NĐ 103 đã quy định các căn cứ tính tiền thuê đất bảo đảm theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Đất đai năm 2024. Do đó, trường hợp người sử dụng đất sử dụng đất không đúng với mục đích ghi tại Quyết định, Hợp đồng thuê đất; việc này có vi phạm pháp luật về đất đai hay không đề nghị Cục Thuế phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để rà soát và báo cáo UBND tỉnh, thành phố xem xét, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

11.2. Thu tiền thuê đất đối với trường hợp chưa có quyết định cho thuê đất, hợp đồng thuê đất

Theo quy định tại khoản 6 Điều 30 NĐ 103 thì trường hợp người sử dụng đất đã sử dụng đất trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quyết định cho thuê đất hoặc trước khi ký hợp đồng thuê đất (đối với trường hợp công nhận quyền sử dụng đất thuê) mà chưa nộp tiền thuê đất cho thời gian đã sử dụng đất thì phải nộp tiền thuê đất hằng năm cho thời gian này. Số tiền thuê đất hằng năm được tính theo mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất và giá đất tính tiền thuê đất của từng năm sử dụng đất đến thời điểm Nhà nước ban hành quyết định cho thuê đất.

11.3. Xác định đơn giá thuê đất đối với trường hợp trước đây áp dụng nguyên tắc điều chỉnh đơn giá thuê đất

Theo quy định tại khoản 10 Điều 51 NĐ 103 thì trường hợp thuê đất trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và đang trong thời gian ổn định đơn giá thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai trước ngày Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được ổn định đơn giá thuê đất đến hết thời gian ổn định. Hết thời gian ổn định đơn giá thuê đất thì thực hiện tính tiền thuê đất theo quy định tại Điều 30 Nghị định này để áp dụng cho chu kỳ tiếp theo. Tiền thuê đất này được ổn định 05 năm, hết chu kỳ ổn định tiền thuê đất thì thực hiện việc điều chỉnh tiền thuê đất được áp dụng theo quy định tại Điều 32 Nghị định này.

11.4. Về xác định tiền thuê đất trong trường hợp người được Nhà nước cho thuê đất đang sử dụng nhà, đất tại công trình xây dựng có mục đích sử dụng hỗn hợp

Nghị định số 108/2024/NĐ-CP đã quy định diện tích nhà cho thuê và việc phân bổ diện tích sử dụng chung để tính tiền thuê cho từng đối tượng thuê, quy định về Bảng giá cho thuê nhà và việc xác định mức tiền thuê đất trong cơ cấu đơn giá cho thuê nhà. Vì vậy, đối với trường hợp sử dụng nhà, đất tại công trình xây dựng có mục đích sử dụng hỗn hợp thuộc sở hữu nhà nước thì thực hiện nộp tiền thuê theo Bảng giá cho thuê nhà (trong đó bao gồm cả tiền thuê đất) do UBND cấp tỉnh quy định.

11.5. Thu tiền thuê đất đối với đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhà, công trình gắn liền với đất để kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công

Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập không lựa chọn hình thức thuê đất và nộp tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì khi sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết đơn vị không phải nộp tiền thuê đất mà có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước một khoản tối thiểu bằng 2% doanh thu thu được từ hoạt động kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định.

Liên hệ

Bản tin này được ECOVIS AFA VIETNAM cập nhật từ các văn bản pháp quy do các cơ quan nhà nước ban hành trên các phương tiện thông tin đại chúng và cho mục đích tham khảo, không được xem như ý kiến tư vấn pháp luật cụ thể. Việc áp dụng các thông tin này vào các trường hợp cụ thể có thể không hoàn toàn phù hợp. Để biết thêm thông tin hoặc cần chúng tôi hỗ trợ, vui lòng liên hệ với các chuyên gia của chúng tôi.



Nguyễn Trọng Hiếu
Cố vấn chiến lược
0914 015 678
hie.u.nguyen@ecovis.com.vn



Nguyễn Hải Nam
Chủ tịch HĐQT / Tổng Giám đốc
0916 020 113
nam.nguyen@ecovis.com.vn



Trần Dương Nghĩa
PCT HĐQT / P. Tổng Giám đốc
0916 538 539
nghia.tran@ecovis.com.vn



Nguyễn Trung Dũng
Phó Tổng Giám đốc
0917 705 379
dung.nguyen@ecovis.com.vn



Phạm Quang Trung
Phó Chủ tịch HĐQT
0935 58 3456
trung.pham@ecovis.com.vn



Lê Huy Đông
Trưởng phòng Tư vấn - Đào tạo
0944 322 988
dong.le@ecovis.com.vn



Nguyễn Thị Hiền Giang
Phó phòng Tư vấn – Đào tạo
0933 224 968
giang.nguyen@ecovis.com.vn

